

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29/3/2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Huy Vũ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh.

2. Ông Nguyễn Bền.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Tấn Dũ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Ngọc R**, sinh năm: 1986 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: Ấp M, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hồng K**, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Ngọc R trình bày: Bà và ông Nguyễn Hồng K chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 08/3/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông K thường say xỉn, không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không được nên ông bà đã ly thân từ đó đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho bà ly hôn với ông K.

- Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Hồng T, sinh ngày 12/11/2005 và Nguyễn Ngọc Thu T1, sinh ngày 30/12/2009. Khi ly hôn, bà R yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu T1, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Hồng K vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, ông K cũng vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà R có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng. Về nội dung: Do bà R, ông K có mâu thuẫn kéo dài, ly thân từ năm 2019 mà không có biện pháp hàn gắn tình cảm, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng ông K cũng vắng mặt chứng tỏ ông không có ý hàn gắn với bà R, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà R ly hôn với ông K. Về con chung: Do cháu T và cháu T1 được bà R nuôi dưỡng sau khi ông bà ly thân, đồng thời theo bản tự khai thì nguyện vọng của cháu T và cháu T1 là được sống với bà R nên cần giao cháu T và cháu T1 cho bà R tiếp tục nuôi dưỡng, tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển tâm sinh lý của các cháu. Quá trình tố tụng, bà R không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Ngọc R khởi kiện ông Nguyễn Hồng K yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà R và ông K là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[2] Ông Nguyễn Hồng K vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bà Lê Ngọc R có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Lê Ngọc R và ông Nguyễn Hồng K sống chung năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Định,

huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 08/3/2007 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12, như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông K thường say xỉn, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Bà R yêu cầu được ly hôn, ông K vắng mặt nên không có ý kiến về vấn đề này. Nhận thấy, bà Lê Ngọc R và ông Nguyễn Hồng K có phát sinh mâu thuẫn kéo dài, sống ly thân từ năm 2019. Trong thời gian ly thân, ông bà không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng ông K cũng vắng mặt chứng tỏ ông không có ý hàn gắn với bà R. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà R được quyền ly hôn với ông K.

[4] Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Hồng T, sinh ngày 12/11/2005 và Nguyễn Ngọc Thu T1, sinh ngày 30/12/2009. Khi ly hôn, bà R yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu T1, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu T và cháu T1 do bà R trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ông bà ly thân, đồng thời theo bản tự khai thì nguyện vọng của cháu T và cháu T1 là được sống với bà R nên cần giao cháu T và cháu T1 cho bà R tiếp tục nuôi dưỡng, tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển tâm sinh lý của các cháu. Bà R không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà R phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Từ phân tích trên, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc R.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Ngọc R được quyền ly hôn với ông Nguyễn Hồng K.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng T, sinh ngày 12/11/2005 và Nguyễn Ngọc Thu T1, sinh ngày 30/12/2009 cho bà Lê Ngọc R là người trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Bà Lê Ngọc R phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0003615 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Long Định;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Lê Huy Vũ